TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/08/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Minh Chánh
2. Ông Phan Hoàng Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 08 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST-DS ngày 20/06/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2019/QĐST-DS ngày 09/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986, (có mặt)
Địa chỉ:, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987, (vắng mặt)
Địa chỉ: , xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng ly thân 7 tháng. Do tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Xuân Gi, nam, sinh ngày 04/09/2010. Khi ly hôn, bà Nhung giao con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà N sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu giao con Nguyễn Xuân Gi, nam, sinh ngày 04/09/2010 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày:

Ông xác nhận thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của bà N, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Vợ chồng mâu thuẫn do ông làm nghề tự do thường xuyên ăn nhậu say xỉn và có đánh vợ mắng con. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N vì ông còn thương vợ con và muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực nuôi dưỡng trẻ Giang và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Xuân D. Đây là tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/03/2010 thì bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Xuân D là vợ chồng được pháp luật công nhận.

[3.2] Về nội dung: Xét lời trình bày của bà N, ông D nhận thấy giữa bà N với ông D trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp và đã ly thân được hơn 07 tháng nên bà N yêu cầu ly hôn với ông D để sớm ổn định cuộc sống. Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, ông D thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do ông thường xuyên ăn nhậu say xỉn và có đánh vợ mắng con. Việc này phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã VLA, huyện Bình Chánh là do hai vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống.

Ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm và khi được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa ông D vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông D đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà N và ông D có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Xuân Gi, nam, sinh ngày 04/09/2010. Theo lời trình bày của bà N thì hiện tại trẻ Giang được ông D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và nguyện vọng của trẻ Giang muốn được sống với cha nên bà đồng ý giao trẻ Giang cho ông D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Giang cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, việc này phù hợp với ý kiến của ông D và ông D vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà N. Nếu sau này ông D có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông D cùng khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân D

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/03/2010 không còn giá trị pháp lý

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Xuân Gi, nam, sinh ngày 04/09/2010 cho ông Nguyễn Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Thị Tuyết N. Nếu sau này ông D có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác

Bà Nguyễn Thị Tuyết N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Xuân D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0046458 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã Đông Tiến, H. Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới